

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/1999/QĐ.UBT

Cần Thơ, ngày 12 tháng 02 năm 1999

**quyết định của UBND tỉnh cần thơ  
"V/v phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị  
Vị Thanh - tỉnh Cần Thơ"**

**chủ tịch UBND tỉnh cần thơ**

- Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 21/06/1994;
- Căn cứ Nghị định 91/CP ngày 17/8/1994 của Chính phủ ban hành điều lệ quản lý qui hoạch đô thị;
- Căn cứ Thông tư số 25/BXD/KTQĐ ngày 22/08/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xét duyệt đồ án qui hoạch xây dựng đô thị;
- Theo Công văn số 1911/BXD-KTQH ngày 16/11/1998 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc thỏa thuận quy hoạch chung đô thị Vị Thanh- tỉnh Cần Thơ;
- Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng Cần Thơ tại Tờ trình số: 04TTr- SXD ngày 22/01/1999,

**quyết định:**

**Điều 1. Nay phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị Vị Thanh- tỉnh Cần Thơ, với nội dung chính như sau:**

**I: Vị trí , phạm vi qui hoạch xây dựng đô thị:**

- a/ Đô thị Vị Thanh có Diện tích tự nhiên: 11.582 ha;
- Phía Bắc giáp huyện Giồng Giềng tỉnh Kiên Giang.
  - Phía Nam giáp huyện Long Mỹ.
  - Phía Đông giáp xã Vị Thủy.
  - Phía Tây giáp huyện Gò Quao - tỉnh Kiên Giang.

b/ Phạm vi qui hoạch chung có diện tích: 1.000 ha.

- Phía Đông giáp QL 61 dự kiến.
- Phía Tây giáp đường vành đai dự kiến.
- Phía Đông giáp kênh hiện có.
- Phía Tây Nam giáp kênh Chủ Chệt.

**II. Định hướng phát triển đô thị:**

**1. Tính chất đô thị:**

Hiện tại Vị Thanh là huyện lỵ Vị Thanh - tỉnh Cần Thơ, tương lai sẽ là một đô thị công nghiệp, là trung tâm kinh tế- kỹ thuật của khu vực Tây Nam tỉnh Cần Thơ, đồng thời cũng là một trong những trung tâm kinh tế- kỹ thuật của vùng Tây Sông Hậu.

**2. Qui mô dân số:**

- Hiện trạng: 27.133 người.
- Dự kiến năm 2005: 40.000 - 50.000 người.
- Dự kiến năm 2020: 60.000 - 70.000 người.

**3. Qui mô đất xây dựng:**

- Chỉ tiêu sử dụng đất 120 - 125m<sup>2</sup>/ người.
  - + Dài hạn đến năm 2020: 125m<sup>2</sup>/người.
  - + Ngắn hạn đến năm 2005: 90m<sup>2</sup>/người.
- Yêu cầu sử dụng đất:
  - + Dài hạn đến năm 2020: 960 - 1.000 ha.
  - + Ngắn hạn đến năm 2005: 450 - 500 ha.

**4. Định hướng phát triển không gian đô thị:**

**4.1/ Các hướng phát triển chính:**

- Đô thị phát triển nhiều về hướng Đông Nam và Nam.
- Phát triển hạn chế về Tây Nam và Đông Bắc.

#### 4.2/ Bố trí các khu chức năng về đô thị:

##### a/ Hệ thống trung tâm và các công trình công cộng chính.

- Trung tâm hành chính: giữ lại nâng cấp, kết hợp xây dựng mới khu UBND huyện hiện nay là trung tâm hành chính của đô thị. Trụ sở Huyện ủy dự kiến làm trụ sở Thị ủy.

- Trung tâm thương nghiệp: Bao gồm các nhà lòng chợ đã có và các dãy phố chợ xung quanh thuộc khu trung tâm đô thị hiện nay. Dự kiến mở thêm chợ khu vực ở phía Nam gần sân bóng đá và phía bờ Tây Bắc kênh xáng Xà No.

- Trung tâm văn hóa: Bố trí tại khu vực Hồ Xuân Hương và Hồ tam giác bao gồm công viên trung tâm, các loại câu lạc bộ, nhà văn hóa, các khu vui chơi giải trí và di tích khu trù mật.

- Trung tâm đào tạo tập trung: bố trí phía sau trường PTTH (cấp III) gần sân bóng đá.

- Bệnh viện: Dự kiến xây dựng bệnh viện mới ở phía Nam đô thị.

##### b/ Nhà ở:

Tổ chức nhiều dạng nhà ở nhằm đa dạng hóa cảnh quan đô thị, đồng thời phù hợp với yêu cầu sử dụng.

- Nhà liên kết và nhà phố: Xây dựng lại hai bên các trục đường phố chính của đô thị.

- Nhà ở kết hợp với buôn bán; xây dựng trong phố thương nghiệp của đô thị, trên ở, tầng trệt buôn bán.

- Nhà chia lô: xây dựng kế cận nhà phố trên các khu đất trũng và thấp.

- Nhà vườn: Xây dựng phía sau các dãy nhà phố và nhà chia lô, với diện tích lô đất lớn hơn.

##### c/ Khu công nghiệp, kho tàng, bến bãi:

Khu công nghiệp chế biến nông sản tập trung được bố trí ở phía Nam đô thị. Đây là khu công nghiệp tập trung thứ 3 của tỉnh Cần Thơ sau Trà Nóc và Hưng Phú.

Khu kho tàng, bến bãi và cảng bố trí ở giữa khu, trên cơ sở tạo âu thuyền riêng biệt cho khu công nghiệp.

Khu sản xuất tiểu thủ công nghiệp được tổ chức bám vào bờ phía Tây bắc kênh xáng Xà No, bao gồm các cơ sở gia công đồ gỗ, gia dụng, xây xát nhỏ, sửa chữa cơ khí, máy ghe và máy tàu.

Bến cảng hàng hóa của đô thị được bố trí ở bờ phía Tây Bắc ngã ba kênh xáng Xà No và kênh 62.

#### 4.3/ Qui hoạch sử dụng đất:

| STT | Loại đất                 | chỉ tiêu(m <sup>2</sup> /ngày) | Diện tích (ha) | Tỷ lệ (%)  |
|-----|--------------------------|--------------------------------|----------------|------------|
| 1   | Đất dân dụng             | 95                             | 665            | 76.0       |
| 2   | Đất công nghiệp-kho bãi  | 21                             | 147            | 16.8       |
| 3   | Đất giao thông đối ngoại | 4                              | 28             | 4.0        |
| 4   | Đất khác                 | 5                              | 35             | 3.2        |
|     | <b>Tổng cộng</b>         | <b>125</b>                     | <b>875</b>     | <b>100</b> |

- Tổng diện tích đất xây dựng: 865 ha;

- Dự phòng 10%: 88 ha;

Tổng cộng; 963 ha

Lấy tròn số: 1.000 ha

#### 5. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật:

##### 5.1/ Hệ thống giao thông:

- Mạng lưới đối ngoại:

+ QL.61: Từ Cần Thơ đi Kiên Giang qua Vị Thanh. Đây là tuyến giao thông bộ quan trọng của đô thị và trung tâm sông Hậu. Đoạn qua đô thị giai đoạn đầu vừa là đường chính nội thị vừa là đường đối ngoại. Lộ giới 22,50m, trong đó mặt đường 10,50m, hè mỗi bên 6,00m.

Giai đoạn sau QL 61 chuyển về phía đông nam đô thị.

+ HL.12 đoạn đi ngoài đô thị chiều lộ giới 32,00m

+ H.12 và H.62 đoạn trong đô thị là những trục đường chính đô thị có lộ giới 22,50m.

+ Bến xe khách: Đặt tại cửa ngõ phía đông đô thị trên QL 61 gần trường tiểu học hiện hữu.

- Mạng đường nội thị:
- + Đường chính đô thị: lộ giới 28,00m, trong đó lòng đường 12m, hè mỗi bên 8,00m.
- + Đường chính khu vực: Lộ giới 22,50m
- \* Đường chính đô thị: lộ giới 28,00m, trong đó lòng đường 12m, hè mỗi bên 8,00m.
- \* Đường chính khu vực: lộ giới 22,50m, trong đó lòng đường 10,50m, hè mỗi bên 6,00m.
- \* Đường khu vực: lộ giới 19,00m, trong đó lòng đường 9,00m, hè mỗi bên 5,00m.

b) Giao thông thủy :

- Kênh Xà No là tuyến giao thông thủy quan trọng của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Chiều rộng hiện hữu 45,00m, sẽ mở rộng lên 80,00m.
- Xây dựng bến cảng hàng hóa tại bờ Tây Bắc ngã ba kênh Xà No và kênh 62.
- Bến tàu khách tại phía Đông cầu Trịnh Hữu Nghĩa thuộc bờ Đông Nam kênh Xà No.

### **5.2. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng:**

Đối với khu trung tâm và nội ô đô thị hiện hữu hoàn thiện tôn nền, cải tạo và nâng cấp mạng lưới đường tránh ngập lụt.

Đối với khu xây dựng mới, khống chế cao độ ở  $> 1,30\text{m}$ .

San nền khu xây dựng tập trung và khu trung tâm. Các khu nhà ở có vườn tự cân bằng đào lấp trong từng lô đất.

- Tổng khối lượng đắp: 7.344.750 m<sup>3</sup>.
- Tổng khối lượng đào: 2.444.300 m<sup>3</sup>.

### **5.3. Thoát nước mưa:**

#### ***Xây dựng mới kết hợp với cải tạo hệ thống cũ.***

Hệ thống thoát nước mưa tách riêng với thoát nước bản.

Khu trung tâm đặt cống BTCT, các khu vực khác đặt mương nắp đan.

Khối lượng xây dựng :

- Cống tròn BTCT :  $D(800\text{mm} - 1.500\text{mm}) = 41.110\text{m}$ .
- Mương nắp đan :  $B(600\text{mm} - 1.200\text{mm}) = 22.477\text{m}$ .

### **5.4. Hệ thống cấp nước:**

#### ***- Nguồn nước: nước mặt ở kênh Xà No.***

- Tiêu chuẩn dùng nước :

- + Đợt đầu: 100L/người /ngày/đêm.  
70% dân số được cấp nước.
- + Dài hạn: 120L/người /ngày/đêm.  
90% dân số được cấp nước.

- Giữ lại, mở rộng và nâng công suất nhà máy nước đã xây dựng ở phía bắc đô thị từ 2.400m<sup>3</sup>/ngày lên 20.000m<sup>3</sup>/ngày.

- Mạng lưới cấp nước : các tuyến ống chính F400, F300, F200 từ nhà máy về dọc theo kênh xáng Xà No và các trục chính của đô thị tạo thành các mạng vòng chính. Bể trí 2 đài nước W = 100m<sup>3</sup>, H = 20m ở phía nam và phía tây đô thị.

### **5.5. Hệ thống thoát nước bản :**

a) Khối lượng nước thải:

- Nước thải sinh hoạt :  $QSH = 7.200\text{m}^3/\text{ngày}$ .
- Nước thải công trình công cộng (10% QSH) = 720m<sup>3</sup>/ngày.
- Nước thải KCN tập trung :  $QCN = 4.500\text{m}^3/\text{ngày}$ .

b) Giải pháp thiết kế :

- ***Xây dựng hệ thống thoát nước bản riêng.***
- Nước thải được xử lý triệt để rồi mới xả ra kênh rạch.
- Dự kiến xây dựng 2 trạm xử lý nước bản cho đô thị và một trạm cho khu công nghiệp.
- + Khu đô thị phía Đông Nam đặt trạm xử lý công suất  $Q = 4.000\text{m}^3/\text{ngày}$ .
- + Khu đô thị phía Tây Bắc đặt trạm xử lý công suất  $Q = 4.000\text{m}^3/\text{ngày}$ .
- + ***Khu công nghiệp tập trung đặt trạm xử lý công suất  $Q = 5.000\text{m}^3/\text{ngày}$ .***
- Để giảm độ sâu chôn cống xây dựng các trạm bơm nước bản chuyển tiếp cho khu Đông Nam đô thị gồm 2 trạm 1.000m<sup>3</sup>/ngày và 1 trạm 3.000m<sup>3</sup>/ngày.

c) Vệ sinh môi trường:

- ***Rác : lượng rác thải 48 tấn/ngày được thu gom và vận chuyển bằng xe ép rác ra bãi đổ của đô thị dự kiến đặt tại xã Hòa Lợi cách đô thị khoảng 4-5km, diện tích 2 ha.***
- Nghĩa địa: dự kiến đặt tại xã Hòa Lợi trên cơ sở nghĩa địa đã có.

### **2. Nhà ở :**

- ***Tôn tạo nâng cấp và hoàn thiện các khu dân cư đã có trong nội thị, nhất là khu phố thương nghiệp.***

- Xây dựng thêm một số khu dân cư mới gồm:
  - + Khu dân cư phía Đông Bắc gần Nhà máy nước hiện nay, quy mô 30 ha.
  - + Khu nhà chia lô và nhà vườn phía Tây Nam kênh Xà No, quy mô 50 ha.
  - + Khu dân cư dọc QL .61( đoạn trong phạm vi đô thị), nhằm tôn tạo mỹ quan cho cửa ngõ của đô thị gần cầu Miếu, quy mô 20 ha.
  - + Khu dân cư phía Đông Nam đô thị, từ công viên trung tâm đến khu huyện đội, quy mô 65 ha.

**Điều 2.** Giao cho UBND huyện Vị Thanh:

- 1- Tổ chức công bố qui hoạch chung xây dựng đô thị Vị Thanh, để các tổ chức , đơn vị và cá nhân có liên quan biết và thực hiện;
- 2- Chỉ đạo việc thực hiện quy hoạch, huy động các nguồn vốn để cải tạo xây dựng đô thị Vị Thanh đúng theo quy hoạch được duyệt và pháp luật Nhà nước;
- 3- Hoàn chỉnh dự thảo điều lệ quản lý xây dựng theo quy hoạch trình UBND tỉnh ban hành;

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan Ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Vị Thanh và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

TM.UBND Tỉnh Cần THƠ  
KT.Chủ Tịch  
Phó Chủ Tịch  
Đã ký  
**Võ VĂN LỮY**